

THỰC TRẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY DƯỢC LIỆU QUÝ HIẾM Ở MỘT SỐ ĐẢO VÙNG NAM BỘ, VIỆT NAM

**Đặng Văn Sơn^{1,2*}, Nguyễn Quốc Bảo¹, Trương Bá Vương^{1,2}, Phạm Quốc Trọng¹,
Hồ Nguyễn Quỳnh Chi¹, Lê Văn Thọ¹, Nguyễn Thị Mai Hương¹**

¹*Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

²*Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

TÓM TẮT

Một nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây dược liệu quý hiếm trên một số đảo vùng Nam Bộ, Việt Nam. Kết quả điều tra đã xác định được 94 loài quý hiếm thuộc 61 chi của 35 họ nằm trong 3 ngành là Dương xỉ, Thông và Ngọc lan có giá trị dược liệu. Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) thì cây dược liệu ở vùng nghiên cứu có 21 loài Nguy cấp (EN) và 39 Sẽ nguy cấp (VU); và theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) thì có 6 loài Nguy cấp (EN) và 7 Sẽ nguy cấp (VU), còn theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ thì có 4 loài thuộc nhóm IA và 44 loài thuộc nhóm IIA. Có 8 họ thực vật nhiều loài nhất được ghi nhận với 64 loài chiếm 68% tổng số loài, trong đó họ Lan (Orchidaceae) có nhiều loài nhất với 27 loài và ít nhất là họ Xoan (Meliaceae) với 4 loài. Nghiên cứu cũng đã xác định được các nhóm dạng sống của cây dược liệu quý hiếm, bao gồm: cây phụ sinh (27 loài), gỗ lớn (18 loài), cây bụi/bụi trườn (17 loài), gỗ nhỏ (13 loài), thân thảo (12 loài) và dây leo (7 loài). Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, rừng ngập mặn và rừng tự nhiên đồi núi thấp là nơi phân bố chủ yếu của các loài cây dược liệu quý hiếm ở vùng nghiên cứu.

Từ khóa: Cây dược liệu quý hiếm, đa dạng, các đảo Nam Bộ, Việt Nam.

STATUS OF RARE MEDICAL PLANT RESOURCES IN SOME SOUTHERN ISLANDS OF VIETNAM

**Dang Van Son^{1,2*}, Nguyen Quoc Bao¹, Truong Ba Vuong^{1,2}, Pham Quoc Trong¹,
Ho Nguyen Quynh Chi¹, Le Van Tho¹, Nguyen Thi Mai Huong¹**

¹*Institute of Tropical Biology, Vietnam Academy of Science and Technology*

²*Graduate University of Science and Technology, Vietnam Academy of Science and Technology*

SUMMARY

A study of the diversity of rare medicinal plants from the Southern islands of Vietnam was carried out. The study results identified 94 species of rare medicinal plants belonging to 61 genera, and 35 families of three phyla of vascular plants (Polypodiophyta, Pinophyta, and Magnoliophyta). There are 21 species at Endangered and 39 species at Vulnerable according to Vietnam Red Data Book (Part II, Plants, 2007), and 6 species at Endangered and 7 species at Vulnerable according to The Red List of Medicinal Plants in Vietnam (2019), and 4 species in group IA and 44 species in group IIA of Decree No. 84/2021/ND-CP. There are 8 plant families with the most species recorded with 64 species, accounting for 68% of the total species, of which Orchidaceae is the most with 27 species and Meliaceae is the least with 4 species. Life forms of rare medicinal plants were divided into six groups including epiphytes (27 species), big trees (18 species), shrubs (17 species), small trees (13 species), grasses (12 species), and lianas (7 species). The rare medicinal plants are mainly distributed in evergreen forests, mangrove forests and low mountains natural forests.

Keywords: Rare medicinal plants, diversity, Southern islands, Vietnam.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nam Bộ là phần đất tận cùng ở phía Nam Việt Nam, kéo dài từ phía Nam dãy Trường Sơn đến tận cùng mũi bán đảo Cà Mau, với diện tích 63.487,85 km², gồm 2 thành phố và 17 tỉnh, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, Kiên Giang và Cà Mau (Đặng Văn Sơn, 2012). Vùng biển Nam Bộ phổ biến với nhóm đảo và quần đảo đều là những kỳ quan sinh thái và kì quan địa chất đặc trưng, điển hình là nhóm đảo Côn Sơn, nhóm đảo Hòn Khoai, đảo Lại Sơn, đảo Phú Quốc và quần đảo An Thới, quần đảo Thổ Chu và quần đảo Nam Du (Trần Đức Thạnh *et al.*, 2012), ngoài ra, đây còn là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá của đất nước, với nhiều hệ sinh thái đặc trưng như hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rừng tự nhiên đồi núi thấp, hệ sinh thái rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, và hội tụ các loài thực vật có giá trị về dược liệu cao, trong đó có nhiều loài cây dược liệu quý, hiếm có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế. Hiện nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu điều tra đánh giá tài nguyên cây dược liệu và dược liệu quý như Hoàng Văn Sâm và đồng tác giả (2018), Nguyễn Cao Toàn và đồng tác giả (2019), Cao Ngọc Giang và đồng tác giả (2021), Ngô Thị Minh Huyền và đồng tác giả (2021), Đặng Minh Quân và Nguyễn Trọng Hồng Phúc (2022). Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chỉ dừng lại ở phạm vi trên một đảo. Đến nay, chưa có công trình điều tra, thống kê, đánh giá tổng thể về tính đa dạng và tình trạng bảo tồn các loài dược liệu quý hiếm trong phạm vi một số đảo vùng Nam Bộ. Chính vì vậy, việc điều tra, đánh giá và xây dựng danh mục các loài dược liệu quý hiếm trên các đảo vùng Nam Bộ có ý nghĩa rất quan trọng

trong công tác bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên quý giá ở khu vực nghiên cứu nói riêng và Việt Nam nói chung.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các loài thực vật quý hiếm có giá trị dược liệu tại một số đảo chính có rừng tự nhiên ở vùng Nam Bộ, gồm: đảo Phú Quốc, đảo Lại Sơn, đảo Nam Du và Côn Đảo.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thời gian thực hiện nghiên cứu: Từ tháng 04/2022 đến tháng 06/2023.

Phương pháp kế thừa: Tập hợp, phân tích, thu thập thông tin từ những công trình khoa học, những kết quả điều tra khảo sát đánh giá nhanh, sách, tạp chí, tư liệu khoa học có liên quan đến đối tượng nghiên cứu.

Phương pháp phỏng vấn PRA (Participatory rapid appraisal): Sử dụng phương pháp của Gary J. Martin (2002) để phỏng vấn kinh nghiệm sử dụng các loại dược liệu và các bài thuốc gia truyền từ thầy lang, thầy thuốc, kiểm lâm, những người thu hái, mua bán và người dân sống xung quanh một số đảo, ghi nhận nhanh các kết quả thu được.

Thu mẫu ngoài thực địa: Sử dụng phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) để nghiên cứu ngoài thực địa. Việc điều tra, khảo sát được tiến hành theo tuyến xuyên qua các sinh cảnh đại diện ở mỗi đảo nghiên cứu, quá trình điều tra có sự tham gia của người dân địa phương, kiểm lâm hay cán bộ quản lý để thu thập mẫu tiêu bản, mẫu thu phải đảm bảo có hoa hoặc quả và thu từ 3 - 5 mẫu cho một loài, để lưu phục vụ nghiên cứu và làm cơ sở xác định tên taxon cũng như xây dựng danh lục thành phần loài.

Xử lý mẫu và giám định tên khoa học: Mẫu tiêu bản sau khi thu ngoài thực địa mang về phòng

thí nghiệm tiếp tục được xử lý, sấy khô theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) nhằm phục vụ công tác lưu trữ và giám định tên. Việc xác định tên khoa học và ghi nhận công dụng dược liệu của cây thuốc được tiến hành dựa trên phương pháp so sánh hình thái với các tài liệu chuyên ngành như: Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ (1999-2000), Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam của Đỗ Huy Bích (2006), Từ điển cây thuốc Việt Nam của Võ Văn Chi (2012), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của Đỗ Tất Lợi (2009), Flora Thailand, Flora of China,... đồng thời so sánh, đối chiếu mẫu với các bảo tàng trong nước và trên thế giới như: Bảo tàng thực vật thuộc Viện Sinh học nhiệt đới (VNM), Bảo tàng lịch sử tự nhiên quốc gia Pháp (P), Vườn thực vật hoàng gia KEW (K). Cập nhật tên khoa học của các loài có giá trị dược liệu quý hiếm theo World Flora Online (2023) và các tạp chí chuyên ngành.

Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp của các loài thực vật dược liệu: Xác định mức độ nguy cấp của các loài cây dược liệu theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) và Nghị định 84/2021 của Chính phủ.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng thành phần loài cây dược liệu quý hiếm

Kết quả nghiên cứu ghi nhận được nguồn tài nguyên cây dược liệu tại một số đảo ở vùng Nam Bộ có 94 loài, 61 chi, 35 họ thuộc 3 ngành thực vật bậc cao có mạch gồm: ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Thông (Pinophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Dương xỉ có 1 loài thuộc chi *Drynaria* của họ Cốt toái bồ (Polypodiaceae), ngành Thông có 6 loài thuộc chi *Cycas* của họ Tuế (Cycadaceae) và ngành Ngọc lan có 87 loài, 59 chi thuộc 32 họ (Bảng 1).

Bảng 1. Danh lục các loài cây dược liệu quý hiếm tại một số đảo vùng Nam Bộ

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	SDVN 2007	DLĐCT 2019	NĐ 84/2021
	I. Polypodiophyta	Ngành Dương xỉ				
	1. Polypodiaceae	Họ Cốt toái bồ				
1	<i>Drynaria bonii</i> Christ	Tắc kè đá bon	C	VU	EN	IIA
	II. Pinophyta	Ngành Thông				
	2. Cycadaceae	Họ Tuế				
2	<i>Cycas circinalis</i> L.	Thiên tuế tròn	GN			IIA
3	<i>Cycas pectinata</i> Buch.-Ham.	Tuế lược	GN	VU		IIA
4	<i>Cycas revoluta</i> Thunb.	Vạn tuế	GN			IIA
5	<i>Cycas lindstromii</i> S.L.Yang, K.D.Hill & T.H.Nguyên	Thiên tuế lindstrom	GN			IIA
6	<i>Cycas micholitzii</i> Dyer	Thiên tuế lá chẻ	GN	VU		IIA
7	<i>Cycas siamensis</i> Miq.	Thiên tuế thái lan	GN			IIA
	III. Magnoliophyta	Ngành Ngọc lan				
	Magnoliopsida	Lớp Ngọc lan				
	3. Anacardiaceae	Họ Xoài				
8	<i>Gluta laccifera</i> (Pierre) Ding Hou	Sơn tiên	GL	VU		
	4. Annonaceae	Họ Na				
9	<i>Anaxagorea luzonensis</i> A. Gray.	Quả đầu ngỗng	B	VU		
10	<i>Xylopia pierreii</i> Hance	Giền trắng	GN	VU		

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	SĐVN 2007	DLĐCT 2019	NĐ 84/2021
	5. Apocynaceae	Họ Trúc đào				
	<i>Cynanchum acidum</i> (Roxb.) Oken	Tiết cần	B	EN		
11	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gạc cam bột	B	VU	VU	
12	<i>Rauvolfia cambodiana</i> Pierre ex Pit.	Ba gạc lá to	C	VU		
13	<i>Rauvolfia micrantha</i> Hook.f.	Ba gạc lá mỏng	B	VU	VU	
14	<i>Spirolobium cambodianum</i> Baill.	Luân thủy cam bột	B	VU		
	6. Aristolochiaceae	Họ Mộc hương				
15	<i>Aristolochia indica</i> L.	Sơn địch	C	VU		
	7. Berberidaceae	Họ Hoàng liên				
17	<i>Berberis bealei</i> Fortune	Hoàng liên ô rô lá dày	B	EN		IA
18	<i>Mahonia nepalensis</i> DC. ex Dippel	Hoàng liên ô rô	B	EN	EN	IIA
	8. Bignoniaceae	Họ Quao				
19	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem.	Thiết đình lá bẹ	GL	VU		
	9. Boraginaceae	Họ Vòi voi				
20	<i>Heliotropium arboreum</i> (Blanco) Mabb.	Phong ba	B	VU		
	10. Combretaceae	Họ Bàng				
21	<i>Lumnitzera littorea</i> (Jack) Voigt	Cóc đỏ	GN	VU		
	11. Cucurbitaceae	Họ Bầu bí				
22	<i>Trichosanthes kirilowii</i> Maxim.	Bạc bát	DL	VU		
	12. Dipterocarpaceae	Họ Dầu				
23	<i>Anisoptera costata</i> Korth.	Vên vên	GL	EN		
24	<i>Dipterocarpus costatus</i> Gaertn.	Dầu mít	GL	VU		
25	<i>Dipterocarpus dyeri</i> Pierre ex Laness.	Dầu song nạng	GL	VU		
26	<i>Dipterocarpus grandiflorus</i> (Blanco) Blanco	Dầu hoa to	GL	VU		
27	<i>Hopea ferrea</i> Laness.	Săng đào	GL	EN		
28	<i>Hopea pierrei</i> Hance.	Kiền kiền Pierre	GL	EN		IA
29	<i>Hopea reticulata</i> Tardieu	Sao mạng	GL			IA
	13. Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu				
30	<i>Croton touranensis</i> Gagnep.	Cù đèn	GN	VU		
	14. Fabaceae	Họ Đậu				
31	<i>Afzelia xylocarpa</i> (Kurz) Craib.	Gỗ đỏ, Cà te	GL	EN		IIA
32	<i>Dalbergia cochinchinensis</i> Pierre	Trắc	GL	EN		IIA
33	<i>Dalbergia rimosa</i> Roxb.	Trắc dây	B			IIA
34	<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz	Giáng hương	GL	EN		IIA
35	<i>Sindora siamensis</i> Teijsm. ex Miq.	Gỗ mật	GL	EN		IIA
	15. Lecythidaceae	Họ Lộc vừng				
36	<i>Barringtonia asiatica</i> (L.) Kurz	Bàng vuông	GN	VU		
	16. Loganiaceae	Họ Mã tiền				
37	<i>Strychnos nitida</i> G. Don	Mã tiền láng	B	EN		
38	<i>Strychnos polyantha</i> Pierre ex Dop	Mã tiền nhiều hoa	B	VU		

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	SĐVN 2007	DLĐCT 2019	NĐ 84/2021
	17. Meliaceae	Họ Xoan				
39	<i>Aglaiia spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet	Gội tía	GL	VU		
40	<i>Chukrasia tubularis</i> A.Juss.	Lát hoa	GL	VU		
41	<i>Dysoxylum cauliflorum</i> Hiern	Huỳnh đàn hoa ở thân	GL	VU		
42	<i>Dysoxylum loureirii</i> (Pierre) Pierre ex Laness.	Huỳnh đàn	GL	VU		
	18. Menispermaceae	Họ Tiết dê				
43	<i>Stephania japonica</i> (Thunb.) Miers	Dây lõi tiền	DL			IIA
44	<i>Stephania japonica</i> var. <i>discolor</i> (Blume) Forman	Dây mối	DL			IIA
45	<i>Stephania longa</i> Lour.	Dây lõi tiền rễ dài	DL			IIA
46	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Bình vôi	GL			IIA
47	<i>Stephania sinica</i> Diels	Bình vôi tán ngắn	DL			IIA
	19. Primulaceae	Họ Anh thảo				
48	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khô	B	VU		
	20. Nepenthaceae	Họ Nắp ấm				
49	<i>Nepenthes smilesii</i> Hemsl.	Nắp ấm trung bộ	C	EN		
	21. Opiliaceae	Họ Rau sắng				
50	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Ngót rừng	GN	VU		
	22. Orobanchaceae	Họ Lệ dương				
51	<i>Aeginetia indica</i> L.	Lệ dương	C	VU	VU	
	23. Plantaginaceae	Họ Mã đề				
52	<i>Limnophila rugosa</i> (Roth) Merr.	Hồi đất	C	VU		
	24. Polygonaceae	Họ Rau răm				
53	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson	Hà thủ ô đỏ	DL	VU	EN	
	25. Talinaceae	Họ Sâm mùng tơi				
54	<i>Talinum paniculatum</i> (Jacq.) Gaertn.	Sâm đất	C		VU	
	26. Rubiaceae	Họ Cà phê				
55	<i>Alleizettella rubra</i> Pit.	Ai lợi	B	VU		
56	<i>Hydnophytum formicarum</i> Jack	Kỳ nam kiến	B	EN	EN	
57	<i>Ridsdalea vietnamensis</i> (Tirveng.) J.T.Pereira	Dành dành việt nam	B	VU		
58	<i>Benkara depauperata</i> (Drake) Ridsdale	Chim chích	B	VU		
59	<i>Psyrax dicoccos</i> Gaertn.	Xương cá	B	VU		
	27. Theaceae	Họ Chè				
60	<i>Camellia dormoyana</i> (Pierre) Sealy	Trà dormoy	GN		VU	
	28. Thymaelaeceae	Họ Trâm				
61	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lec.	Trâm hương	GN	EN	EN	
	Liliopsida	Lớp Hành				
	29. Araceae	Họ Ráy				
62	<i>Homalomena griffithii</i> Hook.f.	Thần phục	C	VU		
	30. Asparagaceae	Họ Măng tây				
63	<i>Peliosanthes teta</i> Andrews	Sâm mây	C	VU	VU	

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	SĐVN 2007	DLĐCT 2019	NĐ 84/2021
	31. Dioscoreaceae	Họ Củ nâu				
64	<i>Tacca palmata</i> Blume	Nưa chân vịt	C	VU		
	32. Hypoxidaceae	Họ Sâm cau				
65	<i>Curculigo orchroides</i> Gaertn.	Sâm cau	C	EN	EN	
	33. Orchidaceae	Họ Lan				
66	<i>Cylindrolobus foetidus</i> (Aver.) Schuit., Y.P.Ng & H.A.Pedersen	Nữ lan hôi	PS			IIA
67	<i>Cymbidium finlaysonianum</i> Lindl.	Đoạn kiếm finlayson	PS			IIA
68	<i>Cymbidium macrorhizon</i> Lindl.	Hoàng lan hoại sinh	PS			IIA
69	<i>Cymbidium alofolium</i> (L.) Sw.	Lan lô hội	PS			IIA
70	<i>Dendrobium acinaciforme</i> Roxb.	Kim thoa hoàng thảo	PS			IIA
71	<i>Dendrobium albopurpureum</i> (Seidenf.) Schuit. & Peter B.Adams	Phong lan	PS			IIA
72	<i>Dendrobium alofolium</i> (Blume) Rchb.f.	Móng rồng	PS	EN		IIA
73	<i>Dendrobium blaoense</i> Schuit. & Peter B.Adams	Lan phích việt	PS	EN		IIA
74	<i>Dendrobium crumenatum</i> Sw.	Tuyết mai	PS			IIA
75	<i>Dendrobium chrysotoxum</i> Lindl.	Kim điệp thân phình	PS	EN		IIA
76	<i>Dendrobium intricatum</i> Gagnep.	Hoàng thảo hoa cong	PS			IIA
77	<i>Dendrobium nobile</i> Lindl.	Thạch học	PS	EN		IIA
78	<i>Dendrobium ochraceum</i> De Wild.	Cánh sét	PS	EN		IIA
79	<i>Dendrobium terminale</i> C.S.P.Parish & Rchb.f.	Lan trâm	PS			IIA
80	<i>Dendrolirium tomentosum</i> (J.Koenig) S.C.Chen & J.J.Wood	Tuyết nhung	PS			IIA
81	<i>Dendrobium truncatum</i> Lindl.	Hoàng thảo hoa nhụy	PS			IIA
82	<i>Habenaria rumphii</i> (Brongn.) Lindl.	Hà biện rumph	PS			IIA
83	<i>Habenaria dentata</i> Schltr.	Hà biện răng	PS			IIA
84	<i>Habenaria rhodocheila</i> Hance	Hà biện lưỡi đỏ	PS			IIA
85	<i>Liparis acutissima</i> Rchb.f.	Nhãn điệp rất nhọn	PS			IIA
86	<i>Ludisia discolor</i> (KerGawl.) Blume	Lan gấm	PS			IIA
87	<i>Nervilia simplex</i> (Spreng.) Schltr.	Lan một lá	PS			IIA
88	<i>Paphiopedilum callosum</i> (Reichb. F.) Stein	Vân hài chai	PS	EN		IA
89	<i>Pholidota leveilleana</i> Schltr.	Tục đoạn	PS			IIA
90	<i>Renanthera coccinea</i> Lour.	Lan huyết nhung đúng	PS			IIA
91	<i>Rhynchostylis gigantea</i> (Lindl.) Ridl.	Ngọc điểm	PS			IIA
92	<i>Thrixspermum centipeda</i> Lour.	Lan xương cá	PS			IIA
	34. Poaceae	Họ Hòa thảo				
93	<i>Phyllostachys nigra</i> (Lodd. ex Lindl.) Munro	Trúc đen	C	VU		
	35. Stemonaceae	Họ Bách bộ				
94	<i>Stemona pierrei</i> Gagnep.	Bách bộ	DL	VU	VU	

Ghi chú: GL: gỗ lớn, GN: gỗ nhỏ, C: thân thảo; DL: dây leo; B: bụi/bụi trườn, PS: phụ sinh; EN: nguy cấp (Endangered), VU: sẽ nguy cấp (Vulnerable); IA: loài nhóm I, IIA: loài nhóm II.

Kết quả cho thấy, các loài cây dược liệu thuộc ngành Ngọc lan chiếm ưu thế, trong đó lớp Hai lá mầm (Magnoliopsida) có số lượng loài cây dược liệu quý hiếm phong phú nhất, chiếm ưu thế vượt trội với 54 loài, 41 chi của 26 họ; lớp Một lá mầm (Liliopsida) với 33 loài, 18 của 7 họ.

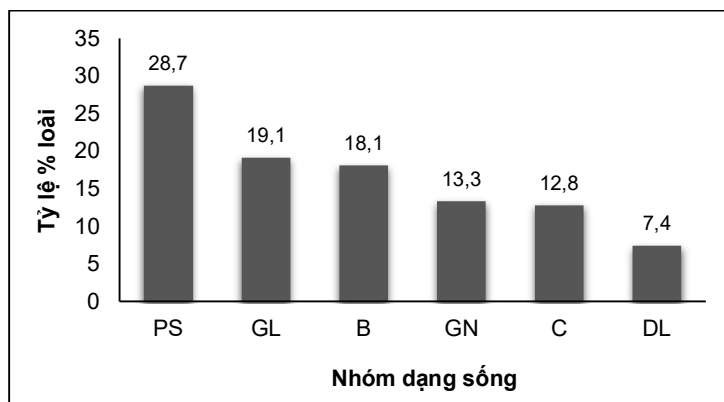
Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, 8 họ thực vật có nhiều loài nhất thuộc ngành Thông (1 họ) và Ngọc lan (7 họ) với 64 loài chiếm 68% tổng số loài cây dược liệu quý hiếm ở khu vực nghiên cứu. Trong đó, họ có số lượng loài nhiều nhất phải kể đến là họ Lan (Orchidaceae) với 27 loài (chiếm 28,7% tổng số loài), kế đến là họ Dầu (Dipterocarpaceae) có 7 loài (chiếm 7,4%), tiếp theo là họ Tuế (Cycadaceae) có 6 loài (chiếm 6,4%), các họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Tiết dê (Menispermaceae) và họ Cà phê (Rubiaceae) mỗi họ đều có 5 loài (chiếm 5,3%), và sau cùng là họ Xoan (Meliaceae) có 4 loài (chiếm 4,3%). Như vậy, họ Lan (Orchidaceae) thuộc lớp Một lá mầm (Liliopsida) chiếm ưu thế cả về số loài

và chi trong số các họ ghi nhận được ở khu vực nghiên cứu.

Nhìn chung, ngành Ngọc lan chiếm ưu thế về thành phần taxon trong số 3 ngành ghi nhận được, và đồng thời họ Lan (Orchidaceae) là họ có nhiều loài cây dược liệu quý hiếm nhất (27 loài) ở khu vực nghiên cứu.

3.2. Đa dạng về dạng sống nguồn tài nguyên cây dược liệu quý hiếm

Theo cách phân chia dạng sống của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) và Võ Văn Chi (2012) thì các loài dược liệu quý hiếm tại các đảo vùng Nam Bộ được chia thành 6 nhóm gồm: gỗ lớn (GL), gỗ nhỏ (GN), cây bụi/bụi trườn (B), dây leo (DL), thân thảo (C) và phụ sinh (PS). Trong đó, nhóm cây phụ sinh chiếm số lượng loài nhiều nhất với 27 loài (chiếm 28,7% tổng số loài), nhóm cây gỗ lớn với 18 loài (chiếm 19,1%), nhóm cây bụi/bụi trườn với 17 loài (chiếm 18,1%), nhóm cây gỗ nhỏ và thân cỏ có lần lượt 13 và 12 loài (chiếm 13,3% và 12,8%) và thấp nhất là nhóm dây leo với 7 loài (chiếm 7,4%) (Hình 1).



Hình 1. Tỷ lệ (%) thành phần taxon trong từng nhóm dạng sống

Như vậy, nhóm cây phụ sinh và gỗ lớn chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các dạng sống hiện có của thực vật dược liệu quý hiếm tại khu vực nghiên cứu.

3.3. Tình trạng nguy cấp, quý hiếm của nguồn tài nguyên cây dược liệu tại khu vực nghiên cứu

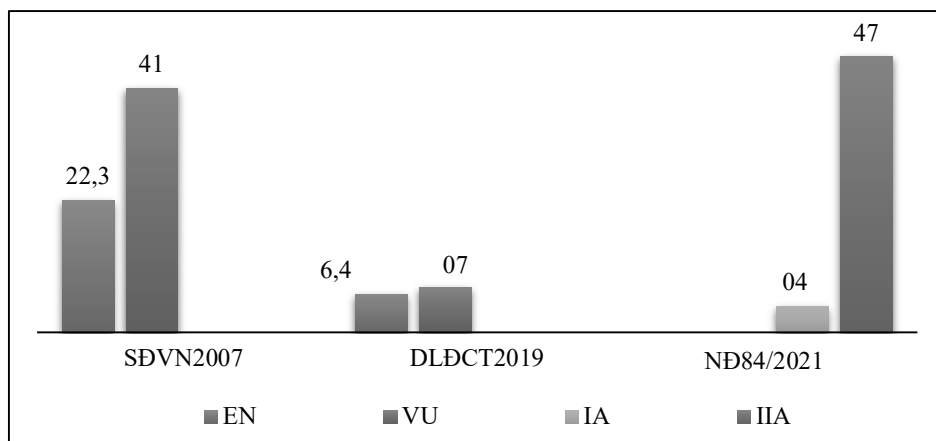
Dựa vào Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) và Nghị định

84/2021/NĐ-CP, các loài thực vật được liệt kê quý hiếm cần được ưu tiên bảo tồn thể hiện ở hình 2.

Ở mức Nguy cấp (EN): Có 21 loài (chiếm 22,3% tổng số loài) theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) và 6 loài (chiếm 6,4%) theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019), bao gồm các loài: Tiết căn (*Cynanchum acidum*), Hoàng liên ô rô lá dày (*Berberis bealei*), Hoàng liên ô rô (*Mahonia nepalensis*), Vên vên (*Anisoptera costata*), Săng đào (*Hopea ferrea*), Kiền kiền Pierre (*Hopea pierrei*), Gõ đỏ (*Azelia xylocarpa*), Trắc (*Dalbergia cochinchinensis*), Giáng hương (*Pterocarpus macrocarpus*), Gõ mật (*Sindora siamensis*), Mã tiền láng (*Strychnos nitida*), Nắp ấm trung bộ (*Nepenthes smilesii*), Kỳ nam kiến (*Hydnophytum formicarum*), Trầm hương (*Aquilaria crassna*), Sâm cau (*Curculigo orchioides*), Móng rồng (*Dendrobium aloifolium*), Lan phích việt (*Dendrobium blaouense*), Kim điệp thân phình (*Dendrobium chrysotoxum*), Thạch斛 (*Dendrobium nobile*), Cánh sét (*Dendrobium ochraceum*) và Vân hải chai (*Paphiopedilum callosum*).

Ở mức Sẽ nguy cấp (VU): Có 39 loài (chiếm 41,5% tổng số loài) theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) và 7 loài (chiếm 7,5%) theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam 2019), bao gồm: Tắc kè đá bon (*Drynaria bonii*), Tuế lược (*Cycas*

pectinata), Thiên tuế lá chẻ (*Cycas micholitzii*), Sơn tiên (*Gluta laccifera*), Quả đầu ngỗng (*Anaxagorea luzonensis*), Giền trắng (*Xylopiya pierrei*), Ba gác cam bột (*Rauvolfia verticillata*), Ba gác lá to (*Rauvolfia cambodiana*), Ba gác lá mỏng (*Rauvolfia micrantha*), Luân thủy cam bột (*Spirolobium cambodianum*), Sơn địch (*Aristolochia indica*), Thiết đỉnh lá bẹ (*Markhamia stipulata*), Phong ba (*Heliotropium arboreum*), Cóc đỏ (*Lumnitzera littorea*), Bạc bát (*Trichosanthes kirilowii*), Dầu mít (*Dipterocarpus costatus*), Dầu song nàng (*D. dyeri*), Dầu hoa to (*D. grandiflorus*), Cù đèn (*Croton touranensis*), Bàng vuông (*Barringtonia asiatica*), Mã tiền nhiều hoa (*Strychnos polyantha*), Gội tía (*Aglaia spectabilis*), Lát hoa (*Chukrasia tubularis*), Huỳnh đàn hoa ở thân (*Dysoxylum cauliflorum*), Huỳnh đàn (*Dysoxylum loureirii*), Lá khô (*Ardisia silvestris*), Ngót rừng (*Melientha suavis*), Lê đương (*Aeginetia indica*), Hồi đất (*Limnophila rugosa*), Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*), Ai lợi (*Alleizettella rubra*), Dành dành việt nam (*Ridsdalea vietnamensis*), Chim chích (*Benkara depauperata*), Xương cá (*Psydrax dicoccos*), Thần phục (*Homalomena griffithii*), Sâm mây (*Peliosanthes teta*), Nưa chân vịt (*Tacca palmata*), Trúc đen (*Phyllostachys nigra*), Bách bộ (*Stemona pierrei*).



Hình 2. Tỷ lệ (%) thành phần taxon theo tình trạng nguy cấp, quý hiếm

Theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP (NĐ84/2021): Có 48 loài trong đó có 4 loài (chiếm 4,3% tổng số loài) là Sao mạng (*Hopea reticulata*) và Kiền kiền pierre (*Hopea pierrei*) thuộc họ Dầu (Dipterocarpaceae), loài Hoàng liên ô rô lá dày (*Berberis bealei*) thuộc họ Hoàng liên (Berberidaceae) và loài Vân hài chai (*Paphiopedilum callosum*) thuộc họ Lan (Orchidaceae) được xếp vào nhóm IA (Danh mục các loài động vật, thực vật nguy cấp, quý hiếm), và 44 loài (chiếm 46,8%) còn lại được xếp vào nhóm IIA (Danh mục các loài động vật, thực vật nguy cấp, quý hiếm) với họ Lan (Orchidaceae) chiếm ưu thế với 26 loài (chiếm Dendrobium nhiều nhất) và họ Tuế (Cycadaceae) với 6 loài, họ Tiết dê (Menispermaceae) và họ Đậu (Fabaceae) với 4 loài, các họ còn lại đều có 1 loài là họ Na (Annonaceae), họ Dầu (Dipterocarpaceae), họ Hoàng liên (Berberidaceae) và họ Cốt toái bổ (Polypodiaceae).

Như vậy, số lượng loài có giá trị nguy cấp, quý hiếm theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP là nhiều nhất với 48 loài, kể đến là ở cấp độ Sẽ nguy cấp với 41 loài và sau cùng là Nguy cấp với 21 loài.

3.4. Đặc điểm phân bố của cây dược liệu

Phân bố theo đai cao: Các loài cây dược liệu có giá trị quý hiếm ở khu vực nghiên cứu thường phân bố không đều trên các tuyến khảo sát, một số loài phân bố rất thấp (dưới 50 m so với mặt nước biển) như Cóc đỏ (*Lumnitzera littorea*), một số loài phân bố ở độ cao trung bình (từ 50 - 450 m so với mặt nước biển) như Quả đầu ngỗng (*Anaxagorea luzonensis*), Nưa chân vịt (*Tacca palmata*), Hà biền răng (*Habenaria dentata*), Nắp ấm trung bộ (*Nepenthes annamensis*), Tuyết mai (*Dendrobium crumenatum*),... một số loài phân bố ở độ cao trên 500 m như Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*), Thiết đỉnh lá bẹ (*Markhamia stipulata*), Kim thoa hoàng thảo (*Dendrobium acinaciforme*).

Phân bố theo sinh cảnh: Các loài cây dược liệu quý hiếm cũng phân bố theo các sinh cảnh khác nhau, từ sinh cảnh rừng ngập mặn như ở Phú Quốc và Côn Đảo (loài Cóc đỏ - *Lumnitzera littorea*) đến rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới tạo thành các kiểu rừng đặc trưng như rừng ưu thế cây họ Dầu ở Phú Quốc (Dầu song nàng - *Dipterocarpus dyeri*, Dầu mít - *Dipterocarpus costatus*, Kiền kiền Pierre - *Hopea pierrei*), hay rừng ưu thế Trầm hương ở đảo Lại Sơn và Nam Du (Trầm hương - *Aquilaria crassna*), rừng tự nhiên đồi núi thấp ở Côn Đảo (Thiên tuế lược - *Cycas pectinata*).

3.5. Thảo luận

Có thể nói nguồn tài nguyên thực vật nói chung và tài nguyên cây dược liệu nói riêng ở một số đảo vùng Nam Bộ rất đa dạng và phong phú, trong đó thực vật có giá trị dược liệu quý hiếm được thống kê có 94 loài tập trung ở Côn Đảo, Phú Quốc, Lại Sơn và Nam Du. Theo kinh nghiệm của thầy lang, thầy thuốc và người dân địa phương, các loài dược liệu quý hiếm này thường dùng rễ, thân, lá, vỏ, quả hay toàn cây để chữa các bệnh thông thường về đường hô hấp (như ho, hen suyễn), chữa tiểu đường, huyết áp, ly, tiêu chảy, cảm sốt, mụn nhọt, mẩn ngứa, sưng viêm, rắn cắn,... ngoài ra, một số loài gỗ lớn có giá trị về mặt kinh tế, dùng làm đồ gia dụng, dùng trong xây dựng (như Gội tía - *Aglaiia spectabilis*, Vên Vên - *Anisoptera costata*, Cẩm lai nam bộ - *Dalbergia cochinchinensis*), hoặc có giá trị làm cảnh (chủ yếu là các loài thuộc họ Lan - Orchidaceae), hơn nữa, một vài loài được xem là đặc hữu hẹp của Việt Nam (như Ai lợi - *Alleizettella rubra*, Cù đèn - *Croton touranensis*, Cánh sét - *Denrobium ochraceum*, Lan phích Việt Nam - *Flickingeria vietnamensis*). Tuy nhiên, hiện nay, do tình trạng khai thác quá mức, nạn mua bán gỗ trái phép hoặc mua bán lan rừng làm cho các loài thực vật quý hiếm ngày một nguy cấp hơn. Chính vì vậy, cần có những biện pháp

hợp lý nhằm bảo tồn và nhân giống những nguồn gen quý hiếm này, đặc biệt là các loài thực vật có công dụng dược liệu; cần có những chính sách đầu tư nhân giống, phục hồi và phát triển bền vững một số sản phẩm thương mại từ các loài dược liệu; tuyên truyền và xử lý nghiêm tình trạng mua bán trái phép gỗ rừng, đồng thời giáo dục người dân địa phương chung tay phối hợp với các ban quản lý về việc bảo tồn các loài dược liệu quý hiếm, tránh tình trạng khai thác quá mức từ tự nhiên.

Có 2 loài được đề xuất ở cấp độ bảo tồn cao hơn từ thứ hạng Sẽ nguy cấp (VU) lên Nguy cấp (EN) trong Danh lục Đỏ cây thuốc (2019) so với Sách Đỏ Việt Nam (2007) là Tắc kè đá Bon (*Drynaria bonii*) và Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*). Đồng thời, có 2 loài được đưa vào diện bảo tồn ở thứ hạng Sẽ nguy cấp (VU) trong Danh lục Đỏ Việt Nam (2019) mà các tài liệu trước đó không đề cập đến đó là Sâm đất (*Talinum paniculatum*) và Trà dormoy (*Camellia dormoyana*).

IV. KẾT LUẬN

Cây dược liệu quý hiếm tại một số đảo vùng Nam Bộ có 94 loài, 61 chi, 35 họ thuộc 3 ngành thực vật bậc cao có mạch, gồm: Ngành

Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ở cấp độ Nguy cấp (EN) có 21 loài theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) và 6 loài theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019); ở cấp độ Sẽ nguy cấp (VU) có 39 loài theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) và 7 loài theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019); và có 4 loài thuộc nhóm IA và 44 loài thuộc nhóm IIA theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Dạng sống của cây dược liệu quý hiếm có 6 nhóm chính gồm: cây gỗ lớn, gỗ nhỏ, cây bụi/bụi trườn, dây leo, thân thảo và phụ sinh.

Các loài cây dược liệu quý hiếm phân bố ở những độ cao khác nhau và lên đến hơn 500 m ở các hệ sinh thái đặc trưng trong khu vực nghiên cứu như rừng ngập mặn, rừng tự nhiên đồi núi thấp và rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Ban quản lý các Vườn Quốc gia, Khu Bảo tồn, rừng phòng hộ đã giúp đỡ và tạo điều kiện để nhóm nghiên cứu được đến và được khảo sát thực địa nghiên cứu. Nghiên cứu này tài trợ bởi đề tài có mã số: VAST04.03/22-23 Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Huy Bích, 2006. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập I, II. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. 1255 trang.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. Sách Đỏ Việt Nam - Phần thực vật. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội. 305 trang.
3. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập 1, 2. NXB Y học, Hà Nội. 3000 trang.
4. Chính phủ Việt Nam, 2021. Nghị định 84/2021/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
5. Cao Ngọc Giang, Trần Thị Liên, Lý Ngọc Sâm, Trần Minh Ngọc, Ngô Thị Minh Huyền, Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Xuân Trường, Lê Đức Thanh, Hoàng Thị Như Nụ, 2021. Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam 7(116): 157-166.
6. Phạm Hoàng Hộ, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam, tập 1, 2, 3. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh. 2965 trang.
7. Ngô Thị Minh Huyền, Trần Thị Liên, Cao Ngọc Giang, Nguyễn Minh Hùng, Lê Đức Thanh, Nguyễn Thu Hằng, Nguyễn Xuân Trường, Lê Hồng Sơn, 2021. Đánh giá hiện trạng các loài cây thuốc quý hiếm tại huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam 3(124): 107-115.

8. Đỗ Tất Lợi, 2009. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB Y học, Hà Nội. 1274 trang.
9. Martin, J.G., 2002. Thực vật Dân tộc học (sách dịch). NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 363 trang.
10. Đặng Minh Quân và Nguyễn Trọng Hồng Phúc, 2022. Diversity of medicinal plant resources in Lai Son island, Kien Giang province. *Can Tho University Journal of Science* 14 (CBA): 50-60.
11. Hoàng Văn Sâm, Trần Ngọc Hải, Hà Văn Long, Nguyễn Văn Trung, 2018. Đa dạng thực vật quý hiếm tại Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp* 4: 106-117.
12. Đặng Văn Sơn, 2012. Họ Quao (Bignoniaceae Juss. 1789) trong hệ thực vật Nam Bộ Việt Nam. *Tạp chí Sinh học* 34 (3SE): 40-50.
13. Nguyễn Tập, 2019. Danh lục Đồ cây thuốc Việt Nam. *Tạp chí Dược liệu* 24(6): 319-328.
14. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 166 trang.
15. Trần Đức Thanh, Lê Đức An, Nguyễn Hữu Cừ, Trần Đình Lân, Nguyễn Văn Quân, Tạ Hoà Phương, 2012. Biển đảo Việt Nam - Tài nguyên vị thế và những kỳ quan địa chất, sinh thái tiêu biểu. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội. 307 trang.
16. Nguyễn Cao Toàn, Trương Thị Đẹp, Đặng Văn Sơn, 2019. Nguồn tài nguyên cây thuốc ở Vườn Quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. *Tạp chí Sinh học* 41 (2se1&2se2): 15-21.
17. WFO, 2023. World Flora Online. Published on the Internet; <http://www.worldfloraonline.org>. Ngày truy cập: 10 tháng 07 năm 2023

Email tác giả liên hệ: dvsonitb@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/08/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 06/09/2023

Ngày duyệt đăng: 02/10/2023